

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 - 4 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thành Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Châu.

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Chánh – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; anh V vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh V tự nguyện tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do

bất đồng quan điểm sống, anh V không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên Chị Lyêu cầu tuyên bố chia và anh V không phải là vợ chồng.

Về con chung: Thời gian chung sống Chị L và anh V có 05 con chung tên Lâm Thị Ngọc C, sinh ngày 30-3-1996; Lâm Thị Cẩm Ng, sinh ngày 07-4-1997; Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 11-12-2000; Lâm Văn V, sinh ngày 13-3-2003 và Lâm Vũ E, sinh ngày 06-9-2011. Hiện tại con chung tên Lâm Vũ E đang sống cùng chị L, các con chung còn lại đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Chị Lyêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lâm Vũ E đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng; các con chung còn lại đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Đối với bị đơn anh Lâm Văn V:*

Anh V đã được cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

*- Tại Biên bản về việc ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 09-02-2022, nguyện vọng của cháu Lâm Vũ E như sau:*

Cháu Lâm Vũ E đang sống cùng với chị L. Trường hợp chị L, anh V không còn chung sống với nhau nữa (ly hôn với nhau) cháu Lâm Vũ E có nguyện vọng được sống cùng với chị L.

*- Tại Văn bản số: 205/UBND ngày 07-3-2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng trả lời về việc tham khảo ý kiến như sau:*

Anh Lâm Văn V, sinh năm 1975 và chị Lý Thị L, sinh ngày 01/01/1976 có chung sống với nhau như vợ chồng là đúng, trong thời gian chưa phát sinh dịch bệnh (khoảng tháng 9 năm 2021) anh Lâm Văn V có đi làm ăn xa tại tỉnh Bình Dương nhưng cuối năm 2021 anh trở về quê do dịch bệnh phức tạp. Trong thời gian này, chị Lý Thị L có phát sinh tình cảm với người khác, vì nghe dư luận không tốt về vợ mình nên khi có uống rượu anh V và Chị L hay cãi vã, phát sinh mâu thuẫn trong gia đình.

*- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực

hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị L và anh Lâm Văn V. Giao con chung tên Lâm Vũ E (giới tính: Nam), sinh ngày 06-9-2011 cho chị Lý Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; các con chung tên Lâm Thị Ngọc C (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-3-1996; Lâm Thị Cẩm Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-4-1997; Lâm Thị Cẩm T (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-12-2000; Lâm Văn V (giới tính: Nam), sinh ngày 13-3-2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động, Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung thì không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lý Thị L khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lâm Văn V. Đồng thời, Chị L có yêu cầu giải quyết về con chung. Anh V cư trú tại Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị L và anh V vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị L và anh V đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, Chị L có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L trình bày chị và anh V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Tại Văn bản số: 202/UBND ngày 03 tháng 3 năm

2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng: “UBND xã Hưng Phú thực hiện việc trích lục sổ hộ tịch kết hôn còn quản lý từ năm 1999 đến ngày 03/3/2022 nhưng không tìm thấy họ tên ông Lâm Văn V và bà Lý Thị L trong sổ hộ tịch đăng ký kết hôn. Ông Lâm Văn V, sinh năm 1975 và bà Lý Thị L, sinh ngày 01/01/1976 có chung sống với nhau như vợ chồng trong thời gian cư trú tại ấp Phương Bình 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhưng chưa có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Phú”. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định chị L, anh V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là sự thật.

[4] Chị L yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh V. Anh V không có ý kiến đối với yêu cầu này của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”. Tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Theo quy định viện dẫn, Chị L và anh V chung sống với nhau như vợ chồng, có điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Chị L yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị L trình bày, thời gian chung sống Chị L và anh V có con chung tên Lâm Thị Ngọc C, sinh ngày 30-3-1996; Lâm Thị Cẩm Ng, sinh ngày 07-4-1997; Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 11-12-2000; Lâm Văn V, sinh ngày 13-3-2003 và Lâm Vũ E, sinh ngày 06-9-2011. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Vũ E đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, các con chung tên Lâm Thị Ngọc C, Lâm Thị Cẩm Ng, Lâm Thị Cẩm T và Lâm Văn V đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Anh V không có ý kiến đối với yêu cầu về con chung của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”. Theo quy định viện dẫn, chị L, anh V có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, tuy nhiên chị L, anh V không thỏa thuận được nên việc giao con cho một bên trực

tiếp nuôi dưỡng do Hội đồng xét xử xem xét quyết định. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung tên Lâm Thị Ngọc C, sinh ngày 30-3-1996; Lâm Thị Cẩm Ng, sinh ngày 07-4-1997; Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 11-12-2000; Lâm Văn V, sinh ngày 13-3-2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động, Chị Lkhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; con chung tên Lâm Vũ E, sinh ngày 06-9-2011 hiện đang sống cùng với chị L, cuộc sống, việc học tập đã ổn định, cháu Lâm Vũ E có nguyện vọng được sống cùng với Chị L và Chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Vũ E. Do đó, việc giao cháu Lâm Vũ E cho Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lâm Vũ E, đảm bảo cuộc sống, việc học tập của cháu Lâm Vũ E không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Lâm Vũ E. Như vậy, yêu cầu về con chung của Chị L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi” và “3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Theo quy định này, anh V không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống cùng với chị L. Đồng thời, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Theo quy định này, anh V không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị L không yêu anh V phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị L và anh Lâm Văn V.

2. Về con chung: Các con chung tên Lâm Thị Ngọc C (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-3-1996; Lâm Thị Cẩm Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-4-1997; Lâm Thị Cẩm T (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-12-2000; Lâm Văn V (giới tính: Nam), sinh ngày 13-3-2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động, Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Giao con chung tên Lâm Vũ E (giới tính: Nam), sinh ngày 06-9-2011 cho chị Lý Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lâm Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lý Thị L không yêu cầu anh Lâm Văn V phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lý Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 0003562 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Lý Thị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- CCTHADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thành Đạt**